TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 726/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2018.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lợi

2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi: Không tham gia phiên toà.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. N đơn: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Phan Thành T, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 09 tháng 3 năm 2018, Nuyên đơn bà Trần Thị Kim N trình bày bà và ông Phan Thành T tự nguyện sống chung từ năm 1996, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 714 quyển số 4/96 ngày 07/01/1996.

Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc. Sau một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không chăm lo cho gia đình mà tham gia đánh bạc, mặc dù bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông T vẫn không sửa đổi tính tình, do vậy bà không thể tiếp tục sống chung được nữa.

Bà và ông T đã ly thân không còn sống chung được 05 năm. Bà nhận thấy không còn tình cảm với ông T nên xin ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Phan Thanh Thảo Trung H, sinh ngày 03/8/1994 và Phan Thanh T, sinh ngày 10/01/2007, hiện đang sống với bà. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông Phan Thành T đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn ngày 09/3/2018, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là ông Phan Thành T có nơi cư trú tại ấp C, xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[2] Tại phiên tòa, N đơn xác định giữ N yêu cầu ly hôn.

Bà Trần Thị Kim N và ông Phan Thành T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 714 quyển số 4/96 ngày 07/01/1996, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo N đơn trình bày N nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông T không lo làm ăn, chăm sóc gia đình mà ham chơi cờ bạc, nên dẫn thường bà và ông T thường xuyên cãi vã, gây mất hạnh phúc gia đình. Do vậy, bà và ông T không còn sống chung đến nay được khoảng 5 năm. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định và được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, thể hiện bị đơn không mong muốn đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T là có xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của N đơn là có cơ sở.

Về nuôi con chung: Căn cứ lời trình bày của N đơn và giấy khai sinh số 682 quyển số: 3/96 ngày 13/11/1996 của Uỷ ban nhân dân huyện C và số 16 quyển số: 01/2007 ngày 22/01/2007 của Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C thể hiện bà Trần Thị Kim N và ông Phan Thành T có 02 con chung tên Phan Thanh Thảo Trung H, sinh ngày 03/8/1994 và Phan Thanh T, sinh ngày 10/01/2007. Bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi trẻ Thanh T. Hội đồng xét xử xét thấy, tại đơn khởi kiện và tại phiên toà, bà N trình bày hiện tại trẻ Thanh T đang sống

chung với bà. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định đối với yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và nội dung bản tự khai ngày 16/4/2018 của trẻ Thanh T thể hiện trẻ mong muốn được sống chung với bà N. Để ổn định tâm sinh lý cho trẻ nên giao trẻ Thanh T cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện và tại phiên toà, bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bà N, không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật, nên ghi nhận.

Xét về chia tài sản và nghĩa vụ dân sự chung, đương sự xác định không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xét.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, nếu có tranh chấp về con chung, về chia tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc N đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị Kim N.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Kim N và ông Phan Thành T.

(Quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông T được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 714 quyển số 4/96 ngày 07/01/1996 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp)

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phan Thanh T, sinh ngày 10/01/2007 cho bà Trần Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phan Thành T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc bà Trần Thị Kim N phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2017/0032111 ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà N đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. N đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thơ